

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

**Ngày 26-5-2022**

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kiều Thị Uyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Tú Nhi;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ka Th, sinh năm 1988; thường trú: Số 60/4, khu phố ĐA, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; thường trú: Số 60/4, khu phố ĐA, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ka Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka Th và anh Lê Văn T sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 17/7/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, **thường xuyên tranh cãi, anh Lê Văn T không phụ giúp về vấn đề kinh tế, vợ chồng đã trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện.** Nay, chị Ka Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 23/10/2017. Sau khi ly hôn chị Ka Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị Ka Th đang làm kế toán thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/1 tháng, anh Lê Văn T lao động tự do, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ka Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Lê Văn T:*

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho anh Lê Văn T nhưng anh Lê Văn T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết đảm bảo tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Ka Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka Th và anh Lê Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 17/7/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Ka Th cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi, anh Lê Văn T không phụ giúp về vấn đề kinh tế, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng tình cảm không được cải thiện. Nay, chị Ka Th xác định tình cảm dành cho anh Lê Văn T không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Lê Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Lê Văn T không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị Ka Th là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Ka Th và anh Lê Văn T có 01 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 23/10/2017. Chị Ka Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Lê Văn T không có ý kiến đối với vấn đề nuôi con chung. Xét thấy cháu Lê Minh Q còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ và chị Ka Th

là người có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng ổn định nên có đủ khả năng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Lê Minh Q cho chị Ka Th trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ka Th không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Lê Văn T có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Ka Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ka Th với anh Lê Văn T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka Th được ly hôn với anh Lê Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 143, do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2017)

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Minh Q, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Ka Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Ka Th và anh Lê Văn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ka Th về việc không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ka Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

0003607 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương. Chị Ka Th đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Kiều Thị Uyên**